



xiǎo shuō

小说

Noun · novel

Example Sentences

zhè shì yī běn xiǎo shuō

这是一本小说。

This is a novel.

zhè běn xiǎo shuō qíng jié qū zhé ràng wǒ dú dé tíng bú xià lái

这本小说情节曲折，让我读得停不下来。

This novel has a complex plot that kept me reading nonstop.

zhè bù xiǎo shuō shēn kè fǎn yǐng le dāng dài shè huì de xiàn shí wèn tí

这部小说深刻反映了当代社会的现实问题。

This novel profoundly reflects the real issues of contemporary society.

Trace each character, then write the word on your own.

小小小小小小

说说说说说说说说说说说说